

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 5 – 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân
2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thu T

ĐKKHKT: Số nhà 529, đường Đ, tổ 10, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 039, đường T, tổ 10, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T

ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số nhà 529, đường Đ, tổ 10, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Tiến T đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng 2 – 3 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không thông cảm cho nhau. Anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới xúc phạm đến chị T và gia đình chị, không tập trung làm ăn lo cho vợ con và vun vén gia đình. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và bạn bè hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Đến nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vì vậy, chị Phạm Thu T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/01/2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Phạm Thu T đang làm nhân viên cho Công ty xuất khẩu hoa quả của hộ kinh doanh Nguyễn Thị X và kinh doanh spa tại nhà. Tổng thu nhập trung bình hàng tháng là 15.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thu T không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Tiến T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị Phạm Thu T. Chị Phạm Thu T đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn anh Nguyễn Tiến T mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Chị Phạm Thu T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ

luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Tiến T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thu T trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Tiến T đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Do vậy, xác định hôn nhân giữa chị Thuỷ và anh Thành là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xác định lời khai của chị T về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ như: Đơn xin xác nhận của chị Phạm Thu T ngày 18/01/2022; Ảnh chụp tin nhắn... Sau khi thụ lý, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm, nguyện vọng của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu, hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thu T. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Tiến T là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/01/2015. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị Phạm Thu T thấy: Hiện nay chị T có mức thu nhập ổn định hàng tháng là 15.000.000đồng. Hơn nữa cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/01/2015 còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T có thời gian, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Phạm Thu T và giao cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/01/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thu T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Tiến T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Tiến T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 02/01/2015 cho chị Phạm Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Tiến T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thu T phải chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001267 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Phạm Thu T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSNDTP (2); THADS (1);
- UBND phường D,
Thành phố L, tỉnh Lào Cai
(Nơi ĐKKH ngày 02/7/2014) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai Phương